

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *2448* QĐ-UBND

Yên Bái, ngày *08* tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng
Hệ thống camera giám sát tỉnh Yên Bái**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/06/2006;

Căn cứ Luật an ninh mạng ngày 12/6/2018;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/04/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019 - 2021;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/04/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22/01/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với Trung tâm dữ liệu;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái Thông qua Đề án xây dựng mô hình đô thị thông minh tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2025;

Căn cứ Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Yên Bái, phiên bản 1.0;

Theo đề nghị của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 916/TTr-VP ngày 05/09/2021 về việc đề nghị ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống camera giám sát tỉnh Yên Bái.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống camera giám sát tỉnh Yên Bái (sau đây gọi tắt là Hệ thống).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (trực tiếp là Cổng thông tin điện tử tỉnh) tạm thời là Đơn vị vận hành Hệ thống, chịu trách nhiệm quản lý, vận hành Hệ thống theo các quy định tại Quy chế kèm theo và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định giao thẩm quyền quản lý, vận hành Hệ thống cho phù hợp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC, VX.

CHỦ TỊCH



Trần Huy Tuấn



QUY CHẾ

Quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống camera giám sát tỉnh Yên Bái
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2448/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh).

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống camera giám sát tỉnh Yên Bái, bao gồm Hệ thống camera giám sát đô thị thông minh và Hệ thống camera công cộng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống camera giám sát tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Camera giám sát là các mắt điện tử, có thể soi, nhìn thấy hình ảnh tại nơi cần theo dõi, quan sát.

2. Hệ thống camera giám sát là tập hợp các camera có chức năng giám sát và thiết bị điện tử được liên kết với nhau nhằm thực hiện nhiệm vụ giám sát theo dõi, ghi lại mọi diễn biến tại khu vực mà người dùng cần quan sát.

3. Hệ thống camera giám sát giao thông thuộc Hệ thống camera giám sát đô thị thông minh là tập hợp camera có chức năng giám sát tốc độ, di chuyển, dừng đỗ của phương tiện giao thông khi tham gia giao thông kèm theo phần mềm xử phạt vi phạm trật tự an toàn giao thông.

4. Hệ thống camera giám sát đô thị thông minh là Hệ thống camera giám sát được đầu tư theo Đề án xây dựng mô hình đô thị thông minh tỉnh Yên Bái.

5. Hệ thống camera công cộng là hệ thống camera của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh lắp đặt để giám sát như: Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp, các bệnh viện, trung tâm y tế, trường học...; camera an ninh của các thôn, tổ dân phố và camera của các hộ gia đình trên địa bàn lắp đặt nhưng đồng ý kết nối đưa dữ liệu về quản lý, vận hành và khai thác sử dụng tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh Yên Bái.

6. Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh Yên Bái: Là nơi tích hợp hệ thống chuyên dụng, bao gồm cả phần cứng (các hệ thống máy chủ, các hệ thống sao lưu khôi phục dữ liệu, hệ thống lưu nguồn điện dự phòng) và các chương trình phần mềm của tỉnh Yên Bái. Trung tâm cũng là nơi cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu và các ứng dụng đảm bảo tốc độ, tính an toàn trong việc trao đổi thông tin của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

7. Kênh truyền riêng cho Hệ thống camera giám sát đô thị thông minh: Là đường truyền dịch vụ mạng riêng kết nối các camera giám sát trên địa bàn tỉnh Yên Bái với hệ thống máy tính quản lý, vận hành và lưu trữ dữ liệu được đặt tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh đảm bảo cho Hệ thống camera giám sát vận hành ổn định và an toàn.

8. Quản trị phần mềm camera là nhiệm vụ của người được giao quản lý và sử dụng các chức năng quản trị, cấu hình và theo dõi hoạt động các phần mềm camera.

9. Đơn vị vận hành Hệ thống camera giám sát (gọi tắt là Đơn vị vận hành) là đơn vị có thẩm quyền được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

10. Người sử dụng là tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng thiết bị, dữ liệu của Hệ thống camera giám sát tỉnh Yên Bái.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống camera giám sát

1. Tuân thủ các nguyên tắc, biện pháp bảo đảm cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin theo Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006.

2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định áp dụng liên quan đến Hệ thống camera bao gồm TCVN 9250:2012 về Trung tâm tích hợp dữ liệu - Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông; TCVN ISO/IEC 27002:2011 về Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Quy tắc thực hành quản lý an toàn thông tin; TCVN 10850:2015 về Hệ thống giám sát điều hành giao thông trên đường cao tốc.

3. Việc chia sẻ, sử dụng dữ liệu Hệ thống camera giám sát phải đảm bảo tính kịp thời, chính xác, khách quan, minh bạch, đúng mục đích, đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị. Đồng thời phải đảm bảo các yếu tố bảo mật thông tin, dữ liệu.

4. Hệ thống camera giám sát là hệ thống hạ tầng dùng chung của tỉnh, các tổ chức, cá nhân được phân quyền khai thác, sử dụng theo chức năng, nhiệm vụ và các quy định của pháp luật.

Điều 5. Những hành vi nghiêm cấm

1. Tự ý can thiệp gây mất kết nối kênh truyền riêng của Hệ thống camera đến Trung tâm tích hợp dữ liệu và các phòng giám sát camera tại các đơn vị.
2. Phá hoại, lấy cắp trang thiết bị, phụ kiện của Hệ thống camera tại các vị trí lắp đặt trên địa bàn tỉnh Yên Bái.
3. Để lộ hoặc cung cấp cầu hình cài đặt, đường dẫn, tài khoản để truy cập Hệ thống camera giám sát trái phép.
4. Kết nối, cài cắm trái phép các thiết bị khác vào Hệ thống camera khi chưa được cơ quan quản lý và Đơn vị vận hành cho phép.
5. Cản trở, ngăn chặn, truy cập trái phép hoặc làm vô hiệu quá tính năng kỹ thuật của Hệ thống camera.
6. Thay đổi, ngăn chặn trái phép việc truyền nhận, ghi hình ảnh của Hệ thống camera.
7. Xóa, thay đổi, sao chép hoặc tiết lộ trái phép các dữ liệu hình ảnh được lưu trữ trên Hệ thống camera.
8. Lạm dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao lấy cắp, sử dụng dữ liệu nhằm trục lợi, sách nhiễu, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
9. Thay đổi hiện trạng các thành phần gồm cột, hệ thống điện, dây tín hiệu và các mắt camera được lắp đặt trên địa bàn tỉnh Yên Bái khi chưa được Đơn vị vận hành đồng ý.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG CAMERA GIÁM SÁT

Điều 6. Về quản lý trang, thiết bị Hệ thống camera

1. Hệ thống camera giám sát đô thị thông minh
 - a) Đơn vị vận hành có trách nhiệm trong việc quản lý, vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, nâng cấp, thay thế về phần mềm, đường truyền, các trang thiết bị của Hệ thống camera giám sát đô thị thông minh và tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.
 - b) Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm quản lý, vận hành các trang, thiết bị của Hệ thống camera đặt tại cơ quan, đơn vị mình. Đồng thời, phối hợp với Đơn vị vận hành thực hiện bảo dưỡng, bảo trì, nâng cấp, thay thế khi có yêu cầu.

2. Hệ thống camera công cộng

a) Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, vận hành Hệ thống camera giám sát do đơn vị mình lắp đặt. Đồng thời, phối hợp với đơn vị vận hành quản lý thiết bị kết nối, thu thập dữ liệu về Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.

b) Đơn vị vận hành có trách nhiệm quản lý, vận hành thiết bị kết nối, thu thập dữ liệu về Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh.

Điều 7. Về quản lý lưu trữ và xử lý dữ liệu

1. Dữ liệu thu thập từ các camera giám sát đô thị thông minh được kết nối và đưa về lưu trữ tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh thông qua kênh truyền riêng; dữ liệu từ Hệ thống camera công cộng của các tổ chức, cá nhân đưa về lưu trữ tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh kết nối qua mạng internet công cộng.

2. Máy chủ xử lý, thiết bị lưu trữ được đặt tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh; được đảm bảo an toàn, an ninh thông tin thông qua Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng tỉnh Yên Bái.

Điều 8. Xử lý sự cố

1. Khi phát hiện có sự cố, người sử dụng thông báo kịp thời cho bộ phận thường trực của Đơn vị vận hành; Đơn vị vận hành tiếp nhận thông tin và xử lý theo quy trình xử lý sự cố.

2. Đơn vị quản lý trực tiếp Đơn vị vận hành có trách nhiệm ban hành quy trình xử lý sự cố theo quy định.

Điều 9. Bảo trì, bảo dưỡng Hệ thống camera

1. Đơn vị vận hành có trách nhiệm thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp, sửa chữa, thay thế phần mềm và các trang, thiết bị của Hệ thống camera giám sát theo quy định.

2. Thời gian, quy trình kỹ thuật bảo trì, bảo dưỡng thực hiện theo hướng dẫn của nhà cung cấp và yêu cầu thực tiễn.

3. Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng không được làm gián đoạn và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Hệ thống camera.

Điều 10. Quy định về quản trị Hệ thống camera giám sát

1. Đơn vị vận hành có trách nhiệm quản trị máy chủ, phần mềm và hệ thống lưu trữ dữ liệu của Hệ thống camera giám sát, hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật để các cơ quan, đơn vị sử dụng và khai thác có hiệu quả.

2. Các cơ quan, đơn vị sử dụng phần mềm có trách nhiệm phối hợp với Đơn vị vận hành lập danh sách người sử dụng và phân quyền sử dụng để cấp tài khoản truy nhập và sử dụng hệ thống; khi phát hiện lỗi phần mềm hoặc sự cố phải kịp thời thông báo cho Đơn vị vận hành để xử lý.

Chương III

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG HỆ THỐNG CAMERA

Điều 11. Hỗ trợ đảm bảo trật tự an toàn giao thông và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông

1. Sử dụng Hệ thống camera giám sát giao thông để hỗ trợ cho công tác đảm bảo an ninh trật tự và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ theo quy định.

2. Đơn vị khai thác và sử dụng gồm: Công an tỉnh, Phòng cảnh sát giao thông, Công an các huyện, thị xã, thành phố và Sở Giao thông vận tải.

3. Phân quyền khai thác và sử dụng

a) Công an tỉnh, Công an các huyện, thị xã, thành phố sử dụng hình ảnh, video từ Hệ thống camera giám sát:

- Hỗ trợ đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn và làm một trong các căn cứ để lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, trong đó, việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông qua hệ thống camera giám sát phải tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

- Khai thác thông tin thống kê báo cáo tình hình vi phạm trật tự an toàn giao thông; thực hiện tìm kiếm, theo dõi đối tượng tham gia giao thông;

b) Sở Giao thông vận tải khai thác thông tin thống kê báo cáo tình hình vi phạm trật tự an toàn giao thông; thực hiện tìm kiếm, theo dõi đối tượng tham gia giao thông; đếm lượt phương tiện giao thông. Sử dụng hình ảnh, video từ Hệ thống camera giám sát để phục vụ công tác quản lý phương tiện vận tải, quản lý đường bộ.

Điều 12. Các nội dung khai thác và sử dụng khác

1. Sử dụng các phần mềm gồm: Phần mềm quản lý hệ thống camera giám sát; phần mềm tìm kiếm, phân tích, xử lý hình ảnh, video, nhận diện khuôn mặt.

2. Phân quyền khai thác và sử dụng:

a) Công an tỉnh Yên Bái, Công an thành phố Yên Bái được sử dụng, khai thác hệ thống camera giám sát đô thị thông minh và hệ thống camera công cộng trên địa bàn toàn tỉnh; thực hiện quyền điều khiển camera quay quét; tìm kiếm, phân tích, xử lý hình ảnh, video, nhận diện khuôn mặt. Việc trích xuất video phải được sự đồng ý của Lãnh đạo Công an tỉnh, Đơn vị vận hành thực hiện và bàn giao dữ liệu trích xuất kịp thời theo yêu cầu của Công an tỉnh; phục vụ thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác của lực lượng công an.

b) Công an các huyện, thị xã, thành phố và Công an các xã, phường, thị trấn được sử dụng, khai thác hệ thống camera giám sát đô thị thông minh và hệ thống camera công cộng trên địa bàn mình quản lý; thực hiện quyền điều khiển camera quay quét; tìm kiếm, phân tích, xử lý hình ảnh, video, nhận diện khuôn mặt; yêu cầu trích xuất video phải do Lãnh đạo cơ quan, đơn vị đề nghị Công an tỉnh đề được thực hiện; phục vụ thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác của lực lượng công an.

c) Sở Giao thông vận tải khai thác và sử dụng Hệ thống camera giám sát đô thị thông minh trên địa bàn toàn tỉnh hỗ trợ phục vụ công tác quản lý nhà nước về giao thông vận tải; phục vụ thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác của Ngành giao thông vận tải.

d) Các cơ quan, đơn vị khác có nhu cầu khai thác thông tin từ Hệ thống camera giám sát đô thị thông minh, Hệ thống camera công cộng phải có đề nghị bằng văn bản nêu rõ nội dung, mục đích và cam kết sử dụng đúng mục đích gửi Đơn vị vận hành.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 13. Trách nhiệm của Đơn vị vận hành

1. Chịu trách nhiệm vận hành Hệ thống camera hoạt động liên tục 24/24 giờ các ngày trong tuần, đảm bảo ổn định, an toàn, kịp thời khắc phục sự cố đáp ứng yêu cầu sử dụng của các cơ quan, đơn vị trong việc khai thác và sử dụng hệ thống camera.

2. Hàng năm, xây dựng kinh phí đảm bảo duy trì, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế, nâng cấp trang thiết bị hệ thống camera và chế độ trực 24/24 cho cán bộ quản trị, vận hành trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng, báo cáo năm và báo cáo đột xuất cho cơ quan quản lý và Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình hoạt động của Hệ thống camera giám sát tỉnh Yên Bái.

4. Phối hợp với Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức có liên quan đảm bảo các điều kiện để Hệ thống camera giám sát hoạt động ổn định, hình ảnh thu thập từ camera không bị che khuất, đủ độ sáng.

5. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đảm bảo an toàn, an ninh mạng và thông tin của Hệ thống camera giám sát đô thị thông minh.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khai thác, sử dụng hệ thống camera

1. Thực hiện quản lý, sử dụng các trang thiết bị và phần mềm hệ thống camera theo quy chế này.
2. Phối hợp chặt chẽ với Đơn vị vận hành trong việc quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng để hệ thống camera mạng lại hiệu quả.
3. Trường hợp phát sinh sự cố, phải thông báo ngay cho Đơn vị vận hành để kịp thời xử lý.
4. Quán triệt, chỉ đạo các cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ, nhân viên trực thuộc khi khai thác dữ liệu, sử dụng Hệ thống camera trong thực hiện nhiệm vụ phải tuân thủ nghiêm các quy định tại Quy chế này, tuyệt đối không vi phạm những hành vi nghiêm cấm. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị khai thác, sử dụng Hệ thống camera giám sát chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu xảy ra vi phạm các quy định có liên quan tại Quy chế này tại cơ quan, đơn vị mình.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh Yên Bái, các sở: Giao thông Vận tải, Thông tin và Truyền thông, Tài chính và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy chế này. Định kỳ kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình triển khai của các cơ quan, đơn vị.
2. Trong quá trình triển khai thực hiện quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị liên hệ với Đơn vị vận hành để được hướng dẫn, phối hợp xử lý. Trường hợp vượt thẩm quyền, Đơn vị vận hành tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, đồng thời thống nhất các phương án đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

Trong quá trình triển khai thực hiện, gặp khó khăn, vướng mắc, vấn đề phát sinh hoặc trường hợp những quy định căn cứ, dẫn chiếu trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan tại Quy chế này sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế tương ứng./.